

目から鱗！これがニッポンの当たり前？

Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

KYってなに？

KY là gì?

みなさんは「KY」という言葉を聞いたことがありますか？日本では「あの人はKYだ」といった使い方をしますが、「KYな人」とはどのような人のことだと思えますか？「KY」は2007～2008年頃に日本で流行した言葉で「空気が読めない」という意味です。「空気を読む」という言い回しは日本独特であるため、みなさんの母国語にはない言葉かもしれません。しかし空気を読むことは、日本で生活する上でとても重要な考え方です。一緒に学んでいきましょう。

Các bạn từng nghe từ “KY” chưa? Ở Nhật cũng có cách dùng như “người đó là KY”, vậy bạn nghĩ “người KY” là người như thế nào? “KY” thịnh hành ở Nhật vào khoảng năm 2007~2008 có nghĩa đen “người không đọc được không khí” nghĩa bóng là “không đọc được tình huống”. “Đọc không khí” là cách nói đặc trưng của Nhật do vậy ở nước các bạn chắc không có từ như thế này. Nhưng việc đọc tình huống là cách suy nghĩ vô cùng quan trọng khi sống tại Nhật. Chúng ta cùng tìm hiểu về câu này nhé.

日本の「空気を読む」文化とは？

「空気を読む」とは、その場の雰囲気や状況を察することです。そして、その場にいる人の人間関係や暗黙のルールを理解して、そのときに自分がやるべきことについて考えて適切に行動することを意味します。日本では昔から集団で行動する文化があったため、まとまりを維持するために個人よりも集団や社会を優先して行動するようになったと言われています。現代でも他の国と比べると、集団としての利益や結果を重視して空気を読んで行動をする人が日本には多くいます。

Văn hoá “đọc tình huống” của Nhật

“Đọc tình huống” là việc quan sát, cảm nhận không khí và tình hình nơi làm việc. Và hiểu được mối quan hệ với người cùng làm cũng như hiểu những nguyên tắc ngầm (ẩn chứa) ở nơi làm đó, có nghĩa là khi đó bản thân phải suy nghĩ để hành động thích hợp đối với việc mình phải làm. Ở Nhật, người ta nói từ xa xưa do có văn hoá hoạt động theo tập thể, nên để duy trì sự gắn kết chặt chẽ người ta hành động ưu tiên tập thể và xã hội hơn là cá nhân. Hiện nay cũng vậy dù so sánh với các nước khác thì việc đọc tình huống và hành động vì lợi ích, chú trọng kết quả của tập thể thì người Nhật vẫn nhiều hơn.

どうやって空気を読んでいるの？

空気を読んで行動する人は、日常的に相手の感情の動きを感じ取って生活しています。相手の声の明るさ、目線、表情、態度などを観察して、相手が自分の発言についてどのように感じるかを意識しています。会議などの大勢の人が参加する場合は、できる限り全員の感情を想像してその場全体の状況を判断し周囲に気を配ります。自分中心の視点ではなく相手中心の視点で行動することで、集団全体に思いやりのある温かい雰囲気生まれます。

Làm thế nào để đọc được tình huống?

Người đọc tình huống để hành động là người sống mà hiểu và cảm được suy nghĩ tình cảm thường nhật của người khác. Người đó quan sát độ tươi sáng của tiếng nói, ánh mắt, biểu cảm của người kia, và cũng luôn ý thức những phát ngôn của mình tạo ra cảm giác gì cho người kia. Trong trường hợp có nhiều người cùng tham gia buổi họp, nếu được thì mình cần tưởng tượng và đoán xem cảm tưởng của mọi người và phát đoán tình hình tổng quan tại đó để chú ý xung quanh. Từ việc hành động của mình vì bản thân làm trung tâm chuyển sang đối phương là trung tâm sẽ tạo nên không khí ấm áp và tình cảm quan tâm đối với cả tập thể.

空気を読むメリット

空気を読むことは、仕事をする上で多くのメリットがあります。例えば、その場にいる全員が自分の好きなようにだけ行動をしてしまうと、全体としての作業効率も落ちてしまいます。空気を読んで、協調性を意識することで無駄な作業を省くことができ、コミュニケーションが円滑になります。また、周りの意見を尊重すると、意見の食い違いで起こるトラブルを防ぐことができます。空気を読むことで、争いがなく穏やかな「和」を保つことができるのです。

Lợi ích của việc đọc được tình huống

Đọc được tình huống có nhiều lợi ích trong công việc. Ví dụ, nếu tất cả mọi người ở nơi đó cứ hành động theo ý mình muốn thì hiệu quả công việc về tổng thể sẽ bị giảm xuống. Nhờ có việc đọc tình huống mà có ý thức hợp tác để làm giảm đi thao tác công việc tốn kém và công việc sẽ thực hiện trôi chảy được. Hơn nữa, việc tôn trọng ý kiến xung quanh sẽ có thể tránh rắc rối xảy ra khi xung đột quan điểm. Nhờ việc đọc được tình huống mà ta có thể duy trì sự hoà hợp 「和-Hoà」ôn hoà, và không có tranh cãi.

いつも空気を読むべき？

日本には空気を読む人が多くいますが、常に空気を読んで自分の意見や言いたいことを我慢しているわけではありません。ときには、自分の意見をはっきり主張すること

もコミュニケーションを円滑にするために大事です。しかし自分の考えを伝えるときは、伝えるタイミングや伝え方に気を付けて、相手が不快にならないように伝えることが大切です。相手が話を聞いてほしそうだと感じたら話を聞く姿勢をとりましょう。そして、自分が話してもいいかなと思ったときは、「自分の考えを話してもいいですか？」と前もって伝えてから話し始めると親切だと思います。話を聞く時間、話をする時間を上手に分けながら、コミュニケーションをスムーズにして、集団全体の良い雰囲気を保ちましょう。

Có phải khi nào cũng cần đọc tình huống?

Ở Nhật có nhiều người đọc tình huống nhưng không phải là lúc nào cũng nên đọc tình huống mà không nói lên điều mình muốn truyền đạt. Đôi khi việc nói rõ ý, nhấn mạnh ý kiến của mình cũng rất quan trọng cho giao tiếp được diễn ra trôi chảy. Nhưng khi muốn truyền đạt điều mình suy nghĩ thì thời điểm mình nói cũng như cách thức mình nói để không gây khó chịu cho đối phương cũng là điều rất quan trọng. Khi người kia muốn mình nghe chuyện của họ thì mình nên chuẩn bị tư thế để nghe nhé. Và, khi mình băn khoăn là mình nói có được không thì trước khi bắt đầu câu chuyện có thể truyền đạt trước “tôi có thể nói điều tôi suy nghĩ được không?” như vậy sẽ rất tốt. Vừa phân chia thời gian nghe chuyện và thời gian nói hợp lý sẽ làm cho cuộc nói chuyện diễn ra suôn sẻ và giữ được không khí tốt trong toàn tập thể.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai.

給与明細の見方

Cách đọc bảng lương chi tiết

日本の4月は新しい年度が始まる節目の月です。新年度の始まりに合わせて新しいことを始める人が多くいます。みなさんは新しく始めようと思っていることはありますか？「毎月の給与明細をじっくり見ること」を新しく始めてみてはどうでしょうか。月給と手取り額の違いや日本の税金の仕組みなど、多くのことを学ぶことができます。今月は、給与明細の見方について一緒に勉強しましょう。

Tháng 4 của Nhật là tháng bắt đầu năm tài chính mới. Và kết hợp với sự mở đầu của năm tài chính mới đó cũng có nhiều người bắt đầu việc mới. Các bạn có định thực hiện điều gì mới không? Các bạn nghĩ sao nếu thử bắt đầu thực hiện việc “xem kỹ bảng lương chi tiết hàng tháng”? Từ sự khác nhau giữa lương tháng và tiền

nhận về tay cũng như hệ thống thuế của Nhật, các bạn có thể học được rất nhiều điều. Tháng này, chúng ta cùng học cách xem bảng lương chi tiết nhé.

いつからいつまでの給料が支払われる？

Lương được trả từ thời gian nào đến thời gian nào?

今日働いた分の給料が明日、支払われるわけではありません。「〇日締め〇日払い」という言葉を聞いたことがあるかもしれませんが、どの会社も給与を計算するための期間と給与を支払う日を決めています。例えば「末日締め10日払い」であれば、その月の1日から末日まで働いた分の給与が翌月の10日に支払われます。給与を計算するための基準となる締め日と支給日は会社によって異なります。わからない場合は雇用契約書を確認するか、会社の人に質問しましょう。

Lương của ngày làm việc hôm nay không phải sẽ được trả vào ngày mai. Chắc các bạn đã từng nghe “ngày 〇 chốt lương, ngày 〇 trả lương”, và công ty nào cũng vậy người ta cần có thời gian để tính lương và quy định ngày trả lương. Ví dụ nếu công ty “chốt lương cuối tháng và trả lương ngày 10” tức là lương làm việc từ ngày 1 đến ngày cuối tháng đó được trả vào ngày 10 của tháng sau. Tùy từng công ty mà ngày chốt lương theo tiêu chí thời gian tính lương và ngày trả lương khác nhau. Nếu có gì không hiểu bạn kiểm tra lại hợp đồng lao động và hỏi công ty nhé.

給与明細の構成を理解しよう

Hãy hiểu các nội dung cấu thành bảng lương chi tiết

給与明細には主に4つの項目が書かれています。給与明細をもらったら、自分の名前の給与明細であるか、何月分の給与なのかを見てから以下の項目を確認しましょう。

Bảng lương chi tiết được chia làm 4 mục chính. Khi nhận bảng lương chi tiết, bạn hãy kiểm tra coi có đúng tên mình không và nhìn xem lương tháng nào rồi xem các mục ghi dưới đó nhé.

① 勤怠

給与計算の対象期間の中で何時間働いたか、何時間残業したか、何時間休んだかなどの勤怠の情報が載っています。この情報を基に給与が決まるため出勤日数や残業時間が合っているかきちんと確認することが大切です。

Số ngày, số giờ làm việc trong tháng: ghi thông tin số ngày giờ làm việc như bao nhiêu giờ làm việc trong thời gian tính lương, bao nhiêu giờ tăng ca (làm thêm). Do

thông tin này trực tiếp liên quan tới việc tính lương nên kiểm tra thật kỹ số ngày đi làm, số giờ tăng ca là rất quan trọng.

②支給

①勤怠の情報をもとに、基本給・残業手当・通勤手当など会社が従業員に支払う金額が載っています。

Khoản thanh toán: Dựa trên thông tin ngày giờ đi làm mà tại mục này ghi số tiền công ty trả cho công nhân viên như tiền lương cơ bản, tiền phụ cấp tăng ca, tiền phụ cấp đi lại.

③控除

②支給欄の合計額から天引きされる税金などの金額が載っています。税金は、主に健康保険料・厚生年金保険料・雇用保険料・所得税・住民税が引かれます。40歳以上の人には介護保険料も加わります。これらは住んでいる場所や前年の所得で変わること理解しておきましょう。会社によっては税金とは別に社員旅行の積立金や会費などが引かれる場合もあります。

Các khoản khấu trừ vào lương: mục này ghi khoản tiền khấu trừ như thuế từ tổng số tiền lương chi trả ở mục ②. Thuế bị trừ đi chủ yếu là bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm lao động, thuế thu nhập, thuế thị dân. Với công nhân viên trên 40 tuổi sẽ trừ thêm phần bảo hiểm điều dưỡng. Tại đây, các bạn cần biết rằng tùy khu vực sinh sống và tùy thu nhập năm trước đó mà tiền thuế có thể khác. Cũng tùy công ty mà ngoài mục trừ thuế, người ta có thể thêm mục trừ đi tiền trả góp cho du lịch công ty hoặc hội phí.

④差引合計

②支給欄の合計額から③控除欄の合計額を引いた金額が載っています。この金額がみなさんの銀行口座に振り込まれます。「手取り額」とも呼ばれます。

Số tiền lương còn lại sau khấu trừ: mục này ghi số tiền sau khi đã trừ mục ② tổng số tiền chi trả cho mục ③ tổng số tiền khấu trừ. Đây là số tiền sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng cho bạn. Số tiền này gọi là “số tiền lương thực nhận”

給与明細を毎月確認しよう

Hãy kiểm tra bảng lương chi tiết hàng tháng

給与明細は税金の名前など、普段聞き慣れない言葉で書かれているため、最初は理解することが難しいです。まずは「支給」「控除」「勤怠」の3つの項目があること、支給

額の合計から控除額の合計を引いた金額が皆さんの銀行口座に振り込まれる金額になることを覚えておきましょう。毎月給与明細を見ていくと、細かい部分も少しずつ理解できるようになります。慣れてきたら、控除の部分を見てどのような税金が引かれているのかを調べてみましょう。給与明細はお給料が正しく払われているかを確認する大事な書類です。お金に困ってなくても毎月確認する習慣をつけ、自分で自分のお金をしっかり管理していきましょう。

Trong bảng lương chi tiết được ghi nhiều từ liên quan tới thuế mà thường ngày không quen, nên ban đầu có thể bạn thấy khó hiểu. Nhưng, trước hết bạn hãy nhớ có 3 mục chính 「支給 khoản tiền trả」「控除 khoản khấu trừ」「勤怠 số ngày, số giờ làm việc」và số tiền được nhận trong tài khoản nhận lương là số tiền trừ từ tổng số chi trả cho tổng số khấu trừ. Khi nhìn bảng lương chi tiết hàng tháng bạn sẽ hiểu dần các khoản mục chi tiết nhỏ. Khi quen đi rồi bạn hãy thử tìm hiểu những khoản tiền thuế nào bị trừ đi ghi trong mục khấu trừ nhé. Bảng lương chi tiết là thông tin quan trọng để xác nhận số tiền lương được trả đúng hay không. Do đó, dù không gặp khó khăn về tài chính bạn hãy tập thói quen kiểm tra hàng tháng và bản thân hãy quản lý thật tốt tiền của mình nhé.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

労働災害の発生状況と予防ポイント

Tình hình phát sinh tai nạn lao động và cách phòng tránh

今月は、日本でどのような労働災害が多く起きているかを確認し、それらを予防するポイントを勉強しましょう。

Tháng này, chúng ta xác nhận những loại tai nạn lao động nào thường hay xảy ra ở Nhật và học về những cách phòng tránh chúng nhé.

1. どのような労働災害が起きているか

Những tai nạn lao động nào thường xảy ra

死傷災害発生状況: 建設業

Tình hình phát sinh tai nạn thương vong: Ngành xây dựng

【墜落・転落】 32% Rơi ngã từ trên cao

【はさまれ・巻き込まれ】11% 被 kẹp hay cuốn

【転倒】 11% Trượt ngã

【飛来・落下】 9% Bị đồ bắn vào, rơi xuống

【切れ・こすれ】 8% Bị cắt, trầy xước

【その他】 29% Loại khác

死傷災害発生状況：製造業

Tình hình phát sinh tai nạn thương vong: Ngành sản xuất

【はさまれ・巻き込まれ】24% 被 kẹp hay cuốn

【転倒】 20% Trượt ngã

【墜落・転落】 12% Rơi ngã từ trên cao

【無理な動作】 9% Thao tác quá sức

【切れ・こすれ】 9% Bị cắt, trầy xước

【その他】 25% Loại khác

データ出典：令和2年における労働災害発生状況（令和3年4月 厚生労働省労働基準局）

Số liệu tham khảo: Tình hình phát sinh tai nạn lao động năm Reiwa 2 (theo Cục Tiêu chuẩn Lao động Bộ Lao động Phúc lợi và Xã hội tháng 4 năm Reiwa 3)

2.労働災害の内容と予防ポイント

Nội dung tai nạn lao động và cách phòng tránh

建設業、製造業ともに労働災害発生状況の上位3つは、「墜落・転落」「はさまれ・巻き込まれ」「転倒」で、全体の50%以上を占めます。これらの事故について、実習生の事故例と予防ポイントを確認しましょう。

Ba loại tai nạn chiếm vị trí cao nhất trong cả ngành xây dựng và ngành sản xuất là “rơi ngã từ trên cao”, “bị kẹp, bị cuốn” và “trượt ngã”, chiếm trên 50% tổng các loại tai nạn phát sinh. Đối với những loại tai nạn này chúng ta cùng xác nhận các trường hợp phát sinh tai nạn của TTS và các chú ý phòng tránh nhé.

【墜落・転落】足場・屋根・脚立などの高所から、墜落・転落すること

“Rơi ngã từ trên cao xuống” là việc rơi ngã từ độ cao như trên giàn giáo, mái nhà, hay thang chữ A

事故例: 建築現場で外壁工事中に足場から墜落。足と骨盤を骨折。

Tai nạn: bị rơi ngã từ giàn giáo xuống tại công trường xây dựng. Bị gãy chân và vỡ xương chậu.

予防ポイント! Cách phòng tránh!

①高所作業時は必ず安全帯を着用する

Khi làm việc trên cao, phải đeo đai an toàn

②無理な体勢で作業をしない

Không được làm việc trong tư thế nguy hiểm

③脚立の天板にのらない

Không được đứng trên tấm kê cao nhất của thang chữ A

【はさまれ・巻き込まれ】機械・設備などに、はさまれたり巻き込まれたりすること

“Bị kẹp, bị cuốn” là việc bị kẹp cuốn vào máy hay thiết bị

事故例: 工場でボード貼付け機械の清掃時、手動ですべきところを自動で機械を動かし指が巻き込まれて切断。

Tai nạn: Trong nhà máy, khi đang lau chùi máy dán bảng, đáng lẽ phải dùng tay làm thì bạn này đã cho máy chạy tự động dẫn tới việc bị đứt ngón tay do bị cuốn vào máy.

予防ポイント! Cách phòng tránh!

①動いている機械には手をいれない

Không được cho tay vào khi máy đang chạy

②機械の点検や清掃は必ず電源を切ってから行う

Khi kiểm tra máy hay lau chùi phải tắt nguồn điện

③トラブル時は機械を止めすぐに会社の方に連絡する(自分で対応しない)

Khi có sự cố xảy ra phải dừng máy và liên hệ ngay người công ty (không tự mình xử lý)

【転倒】床・階段・通路などで、滑ったりつまずいたりして転倒すること

“Trượt ngã” là việc bị trơn trượt vấp trên sàn nhà, cầu thang hay lối đi

事故例: 工場で資材を運搬中工具につまずき転倒。手首を骨折。

Tai nạn: Khi đang chuyển vật liệu thì vấp phải dụng cụ mà bị trượt ngã. Bị gãy xương cổ tay.

予防ポイント! Cách phòng tránh!

①整理・整頓する(不要なものを床などにおかない)

Cần sắp xếp gọn gàng (đồ không dùng thì không để trên sàn)

②書類やスマホを見ながら歩かない

Không vừa đi vừa xem tài liệu hay điện thoại

③床が濡れていたらすぐに拭く

Phải lau khô ngay khi sàn nhà ướt.

実習生の皆さんへ

Gửi các bạn TTS thân mến

自分の業種でどのような事故が起こるかを確認し、事故を予防する方法を指導員の方に教えていただいでください!

Các bạn hãy kiểm tra những tai nạn nào có thể xảy ra trong công việc của mình và nhờ người hướng dẫn chỉ dạy cho cách thức phòng tránh tai nạn nhé.